

KẾ HOẠCH

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Đắk Lắk năm 2023 - 2025

Năm 2022, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Đắk Lắk đạt 60,91 điểm, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, giảm 3,29 điểm và giảm 26 bậc so với PCI 2021; xếp cuối cùng khu vực Tây Nguyên. Đây là kết quả hoàn toàn đi ngược lại với mong đợi của các cấp, các ngành trong tỉnh và mục tiêu đã đề ra tại Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Đắk Lắk năm 2022-2023.

Tỉnh ủy đã có quan tâm, chỉ đạo, UBND tỉnh đã có nhiều nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện các chỉ số nâng cao năng lực của tỉnh, tuy nhiên, trong thực tế, cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp đánh giá về các chỉ số thành phần chưa tốt, các chỉ số thành phần và nguyên nhân thấp điểm đã được chỉ ra tại Báo cáo số 1741/BC-SKHĐT ngày 05/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Lắk năm 2022. Điều này cho thấy doanh nghiệp có chiều hướng giảm sút niềm tin đối với năng lực điều hành, nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

Để cải thiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh và tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng PCI của tỉnh trong năm 2023 và các năm tiếp theo, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Đắk Lắk năm 2023 - 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Phấn đấu đưa PCI năm 2023 - 2025 của tỉnh xếp thứ hạng từ mức trung bình trở lên và các chỉ số thành phần PCI đạt điểm số trên 6.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của UBND tỉnh, theo tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát mục tiêu Kế hoạch để xây dựng kế hoạch nâng cao PCI của đơn vị cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp; phân công theo dõi, đôn đốc đánh giá thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch, đảm bảo

đạt mục tiêu chung đề ra.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các bộ phận, phòng ban nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì, phối hợp trong việc cải thiện các chỉ số thành phần, nâng cao PCI của tỉnh.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình trong Kế hoạch này.

II. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ

1. Các giải pháp

1.1. Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/03/2014, Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; các kế hoạch của tỉnh triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hàng năm; trong đó, tập trung bám sát các giải pháp chủ yếu đã được tỉnh đề ra.

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến huyện, xã; phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Chi thị số 14/CT-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các Sở, ban, ngành, địa phương.

- Thực hiện công tác thanh kiểm tra hiệu quả; Thanh tra tỉnh và thanh tra các sở, ngành phát huy tốt công tác phối hợp trong thanh, kiểm tra, tránh trùng lặp, chồng chéo các đoàn, nội dung kiểm tra; đảm bảo nguyên tắc không thanh tra, kiểm

tra quá 1 lần/doanh nghiệp/năm¹; chỉ thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, đặc biệt các đơn thư có liên quan đến doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng trong từng cơ quan đơn vị.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh; tăng cường thực hiện chuyển đổi số, chính quyền số; ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng, tài nguyên môi trường và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cung cấp dịch vụ công.

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

+ Tập trung khẩn trương triển khai các nhiệm vụ thực thi dự án đầu tư công trọng điểm, dự án thu hút đầu tư thuộc Ban Chỉ đạo 321 của Tỉnh ủy, dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột.

1.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp; giảm chi phí thời gian, chi phí gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) để tạo môi trường thông thoáng, dễ dàng thực hiện các dịch vụ công của tỉnh, đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần, dịch vụ bưu chính công ích và thanh toán không dùng tiền mặt để giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính để tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC nhất là các TTHC về đất đai, đăng ký doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh cỡ điều kiện, xây dựng, đầu tư, PCCC... Giao Văn phòng UBND tỉnh rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời các quy trình nội bộ giải quyết TTHC của tỉnh để kịp thời cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm soát, báo cáo việc triển khai thực hiện của các đơn vị.

¹ Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm; đồng thời, cập nhật kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm vào phần mềm hỗ trợ xử lý chồng chéo của Thanh tra tỉnh để xử lý việc trùng lặp thanh tra, kiểm tra.

- Nghiêm túc thực hiện quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh, trong đó lưu ý thực hiện đúng quy trình, tham gia ý kiến đúng thời gian quy định, tránh tình trạng chậm trễ, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, gây phiền hà đến doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (PVHCC), Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Đặc biệt, là chú trọng đầu tư nâng cấp, trang bị hiện đại cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại Trung tâm PVHCC trên môi trường mạng qua Cổng dịch vụ công của tỉnh; phối hợp với các cơ quan đơn vị việc phân công, cử công chức, viên chức đến làm việc tại Trung tâm PVHCC đảm bảo am hiểu chuyên môn, đạo đức công vụ đáp ứng kịp thời yêu cầu giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm PVHCC.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu giải pháp hữu hiệu để hướng dẫn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư các thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư trực tuyến nhằm giảm chi phí đi lại cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện đảm bảo 100% mã số doanh nghiệp được cấp mới/cập nhật thông tin sửa đổi ngay trong ngày làm việc.

- Các sở, ban, ngành và địa phương chủ động xây dựng các tài liệu hướng dẫn “*dễ hiểu, dễ sử dụng*”, giải thích các điểm chưa rõ, khó hiểu trong quy định về thủ tục hành chính, khẩn trương hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin đất đai.

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Thực hiện rút ngắn thời gian xác định giá đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quá thời hạn quy định. Phối hợp với Sở Tài chính rà soát bảng giá đất, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể theo quy định.

+ Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định; tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh.

+ Hoàn thành Phương án tổng thể, Phương án chi tiết quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc thu hồi từ các nông lâm trường quốc doanh. Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất có nguồn gốc thu hồi từ các công ty Nông lâm trường bàn giao về địa phương quản lý.

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các Dự án xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; dự án VILG trên địa bàn huyện; Xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

+ Thâm định các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các công trình, dự án khi nhà nước thu hồi đất; phê duyệt giá đất cụ thể, giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, xác định đơn giá cho thuê đất, xác định tiền sử dụng đất phải nộp; hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghiệp phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan thường xuyên rà soát, kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh xử lý thu hồi đất, thu hồi chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án không triển khai hoặc triển khai quá chậm làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và giảm hiệu quả sử dụng đất; tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh.

1.3. Tăng cường tính minh bạch, giảm chi phí không chính thức, tạo cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp

- Nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Thực hiện niêm yết công khai, minh bạch tại các chủ trương, chính sách mới ban hành của Nhà nước, của tỉnh, đặc biệt là các chính sách thu hút đầu tư, các thủ tục hành chính, phí, lệ phí, các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, dự án, đấu thầu trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật đầy đủ, kịp thời các TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (iGate) để đảm bảo quyền được tiếp cận, khai thác, sử dụng dịch vụ hành chính công của các tổ chức, cá nhân được thuận tiện, dễ dàng. Tăng cường công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin qua báo, đài và mạng Internet, đa dạng các hình thức tuyên truyền hữu hiệu để doanh nghiệp biết và thuận lợi sử dụng các dịch vụ công của tỉnh. Hướng dẫn và có kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến đảm

bảo chỉ tiêu UBND tỉnh giao. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai, kiểm tra, đánh giá hiện trạng và nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử đảm bảo theo quy định và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện.

- Văn phòng UBND tỉnh cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia và Cổng thông tin điện tử của tỉnh để đảm bảo quyền được tiếp cận, khai thác, sử dụng văn bản của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo việc tìm kiếm, khai thác văn bản được thuận tiện, dễ dàng. Duy trì hoạt động các chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và kết nối với các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để đăng tải các giải đáp vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp trong áp dụng chung về pháp luật.

- Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương đổi mới hình thức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về phương thức thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kinh doanh có điều kiện, đất đai, môi trường, xây dựng, PCCC...

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; xây dựng thiết chế pháp chế, an ninh trật tự

- Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương (Quy chế 45, Quy chế 42).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện tốt quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn; thực hiện tốt công tác giám sát đầu tư. Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đơn vị liên quan hoàn thiện quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian quy định.

- Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ để rà soát, nắm bắt cụ thể tình hình thực hiện dự án của các doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp; tham mưu các giải pháp triển khai có hiệu quả các chính sách của tỉnh đảm bảo bám sát nhu cầu và phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát, phát hiện những bất cập trong quy định pháp luật, kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Sở Tư pháp tiếp tục nâng cao chất lượng công tác góp ý, thẩm định các đề nghị, dự thảo văn bản QPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh; tăng cường theo dõi, đôn đốc thực hiện công tác xây dựng văn bản QPPL quy định chi tiết, công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL cả ở trung ương và địa phương.

- Sở Nội vụ thực hiện khảo sát đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh (Chỉ số DDCI); tham mưu triển khai có hiệu quả việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh.

- Đề nghị Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự để doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh và đầu tư; rà soát phát hiện, trấn áp các băng nhóm côn đồ, xã hội đen hoạt động liên quan đến “tín dụng đen”, “bảo kê” trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tuyên truyền hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại các công ty, doanh nghiệp; ý thức bảo quản tài sản của người đứng đầu công ty, doanh nghiệp; giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm, vận động Nhân dân chủ động, tích cực tham gia phòng, chống tội phạm. Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm; đảm bảo công tác điều tra, xử lý tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh tăng cường mối quan hệ trong việc xử lý những vụ việc có tính chất phức tạp, phối hợp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án. Trong đó, trọng tâm là tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án, nhất là việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về kinh tế, thương mại; công khai trình tự, thủ tục thi hành án dân sự; công khai số điện thoại, lịch tiếp công dân...

Tòa án nhân dân tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật. Cục Thi hành án dân sự tỉnh đẩy nhanh công tác giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.

1.5. Hỗ trợ doanh nghiệp, tăng cường gặp gỡ, đối thoại, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai đầy đủ các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV. Phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất phương án đẩy mạnh xã hội hóa trong cung ứng các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tạo

điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động dịch vụ phục vụ doanh nghiệp và người dân. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về thực hiện các TTHC trong lĩnh vực khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp và đầu tư. Tham mưu triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh tỉnh Đắk Lắk.

Chủ động tham mưu UBND tỉnh nắm bắt khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Triển khai tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm, chương trình Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp và tăng cường các hoạt động đối thoại, tiếp xúc trực tiếp giữa chính quyền và doanh nghiệp để hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (vào ngày Thứ 5); làm đầu mối theo dõi, báo cáo tiến độ thực hiện giải quyết theo kết luận của lãnh đạo tỉnh tại các kỳ gặp gỡ, đối thoại.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch, Chương trình hành động của UBND tỉnh về các chính sách hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực, góp phần giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường đối thoại giữa các cơ quan, chính quyền với người dân, doanh nghiệp dưới nhiều hình thức đa dạng như tiếp xúc trực tiếp, thông qua hệ thống trang tin điện tử của các cơ quan. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung trả lời văn bản về những nội dung giải quyết các vướng mắc và cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Sở Công Thương:

+ Tham mưu triển khai đồng bộ có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương về Hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp cận các quy định, chính sách, các cam kết trong quá trình thực hiện các Hiệp định FTA, thông tin kịp thời thông qua trang thông tin điện tử và bằng các hình thức hữu hiệu khác đến doanh nghiệp để tiếp cận, thực hiện.

+ Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tổ chức các Hội nghị, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức và doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và các FTA đã ký kết, đặc biệt là cơ hội, thách thức và cách tận dụng các cam kết FTA trong hoạt động kinh doanh đối với đối tác nước ngoài.

+ Tham mưu triển khai đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch số 8820/KH-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh về Phát triển thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Các Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các hội ngành nghề, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, tìm kiếm đối tác kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước; hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sản phẩm với công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

- Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đẩy mạnh quan hệ hợp tác, ký kết và triển khai có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác kinh tế, nhất là hợp tác trong lĩnh vực thương mại của tỉnh Đắk Lắk với các nước tham gia FTA, lưu ý chọn những lĩnh vực có tiềm năng, chủ lực để tập trung triển khai các đề án nhằm kêu gọi, hợp tác đầu tư phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh.

- Sở Tư pháp tăng cường hỗ trợ, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật sư; công khai và cập nhật thường xuyên danh sách các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh; phát triển đội ngũ luật sư đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, tư vấn pháp lý của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội nghị, tọa đàm giữa luật sư với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm trao đổi về khó khăn, vướng mắc pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời, đề xuất Cục thi hành án dân sự tỉnh để kịp thời có biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với những vụ án kinh tế, các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài và các vụ việc có giá trị thi hành án lớn.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh và triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, thực hiện theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh, các hội ngành nghề của tỉnh: Tích cực tham gia đóng góp chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp theo quy định pháp luật và phù hợp điều kiện thực tế ở địa phương. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp về các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, về các chính sách, thông điệp của lãnh đạo tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp; làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến, khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến, phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ tài chính, ngân hàng; chủ động làm việc với khách hàng để nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn phục vụ đầu tư, sản xuất, kinh doanh; triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động của Quỹ để triển khai thực hiện.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử của tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổ chức đưa tin, thông báo, tuyên truyền, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về hội nghị đối thoại với doanh nghiệp của UBND tỉnh; tăng cường xây dựng các chương trình thông tin về các hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh.

1.6. Nâng cao đạo đức công vụ, ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, cải thiện cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng phục vụ hành chính công của tỉnh

- Sở Nội vụ theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của người dân, tổ chức về tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC, dịch vụ công trực tuyến của các đơn vị; đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC. Tiếp tục triển khai khảo sát trực tuyến người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức để thuận lợi cho công tác lấy thông tin thường xuyên liên tục đánh giá về sự hài lòng về cải cách hành chính, phục vụ của các dịch vụ công. Phối hợp với các đơn vị có liên quan đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng nâng cao năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển.

- Văn phòng UBND tỉnh giao trách nhiệm cho Trung tâm PVHCC giám sát chặt chẽ việc công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC tại các bộ phận một cửa của các Sở, ngành đơn vị tại Trung tâm PVHCC; can thiệp, chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện trường hợp công chức, viên chức có thái độ tiêu cực hoặc ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của doanh nghiệp, công dân đến thực hiện thủ tục.

- Thanh tra tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, gây khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp. Thường xuyên giám sát,

kiểm tra định kỳ và đột xuất để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời thỏa đáng, kịp thời cho doanh nghiệp; xử lý nghiêm các hành vi những nhiễu doanh nghiệp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Thường xuyên nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là những người trực tiếp tiếp xúc, giải quyết các TTHC cho doanh nghiệp (lưu ý các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuế, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quản lý thị trường, PCCC) đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ, năng lực phẩm chất, am hiểu, nắm vững chuyên môn, luôn tạo không khí thân thiện với công dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư khi liên hệ làm việc. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tiêu cực, những nhiễu, quan liêu, hách dịch trong thực thi công vụ và tiếp xúc với doanh nghiệp.

Tổ chức, công khai đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, khiếu nại, tố cáo các hành vi nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời thỏa đáng, kịp thời cho doanh nghiệp.

1.7. Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, lao động

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh, giới thiệu việc làm bằng nhiều hình thức đa dạng để thông tin, giới thiệu về các ngành nghề - cơ hội việc làm - mức lương sau tốt nghiệp; các mô hình phát triển nghề hiệu quả sau tốt nghiệp; về khởi nghiệp, định hướng nghề nghiệp; chuyên gia tâm lý hướng nghiệp để định hướng nhận thức. Thực hiện tốt công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

+ Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giới thiệu việc làm tăng cường kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển sinh đào tạo gắn với giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo; đẩy mạnh việc tổ chức đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Đa dạng các hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

+ Khảo sát tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các doanh nghiệp và đề xuất cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lao động mới hoặc cung cấp dịch vụ đào tạo lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.

+ Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng được yêu cầu thực tế sản xuất của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác dự báo, định hướng phát triển các ngành nghề.

+ Tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng, phương pháp đào tạo. Đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

+ Thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào trong công tác đào tạo và công tác quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng, cập nhật, chuẩn đầu ra các nghề theo khung trình độ quốc gia và được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

+ Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin về thị trường lao động và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm Đắk Lắk; xây dựng cơ sở dữ liệu để kết nối, chia sẻ, công khai thông tin lao động, việc làm trên Cổng/Trang thông tin lao động việc làm. Tăng tần suất tổ chức Phiên giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động trực tiếp.

+ Thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho người lao động như phát triển thị trường lao động; tăng cường kết nối thông tin cung, cầu lao động giữa doanh nghiệp và người lao động; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động bằng nhiều hình thức. Hỗ trợ cho vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn phát triển sản xuất, vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo:

+ Kiện toàn mạng lưới trường, lớp, quy mô học sinh theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, bên cạnh đào tạo các bộ môn truyền thống cần chú trọng chất lượng giảng dạy, đào tạo ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm tại các bậc học phổ thông. Phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động Thương binh và Xã hội trong việc định hướng nghề nghiệp ở bậc phổ thông.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, đơn vị liên quan thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại nhà trường. Khuyến khích các cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn tăng cường tổ chức các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm khoa học; tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ học sinh, sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Nhiệm vụ cụ thể: *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công cơ quan đầu mối theo dõi, phối hợp thực hiện đối với việc cải thiện từng chỉ số thành phần

1.1. Cơ quan, đơn vị làm đầu mối theo dõi, thực hiện cải thiện các chỉ số thành phần:

- Chỉ số Gia nhập thị trường: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Chỉ số Tiếp cận đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Chỉ số Tính minh bạch: Sở Thông tin và Truyền thông
- Chỉ số Chi phí thời gian: Văn phòng UBND tỉnh
- Chỉ số Chi phí không chính thức: Sở Nội vụ
- Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Chỉ số Tính năng động: Văn phòng UBND tỉnh
- Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Chỉ số Đào tạo lao động: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: Sở Tư pháp là cơ quan chủ trì làm đầu mối theo dõi thực hiện cải thiện các tiêu chí về Thiết chế pháp lý; Công an tỉnh là cơ quan phối hợp, đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện cải thiện các tiêu chí về An ninh trật tự.

1.2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp tham gia thực hiện việc cải thiện của từng chỉ số thành phần có liên quan.

1.3. Các cơ quan, đơn vị được phân công đầu mối theo dõi, phối hợp thực hiện có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, định kỳ báo cáo việc thực hiện cải thiện các chỉ số thành phần theo các tiêu chí đánh giá từng chỉ số thành phần chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về việc tổ chức, triển khai Kế hoạch này.

2.2. Các cơ quan, đơn vị đầu mối thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện của các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Định kỳ 03 tháng/lần (trước ngày 05 của tháng cuối kỳ) phối hợp, đánh giá cụ thể tình hình triển khai thực hiện các chỉ số thành

phân và tiêu chí được phân công, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2.3. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan làm đầu mối và theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo về năng lực cạnh tranh của tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo PCI của tỉnh:

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc triển khai thực hiện của các cơ quan đầu mối; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ động rà soát, tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo PCI của tỉnh.

- Tham mưu UBND tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tại các tỉnh hoặc tổ chức hội nghị về đánh giá thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, cần thiết có thể mời các chuyên gia để tìm giải pháp (nếu có).

- Theo dõi, phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất UBND tỉnh khen thưởng đối với các cơ quan đơn vị thực hiện tốt việc thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.4. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức truyền thông phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; đến cộng đồng doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân để tích cực hưởng ứng, giám sát thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, điều chỉnh kịp thời. *lưu*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (b/c)
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội DN tỉnh; các tổ chức hội ngành nghề trong tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Đ- 25b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
**NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CỦA TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2023-2024**

(kèm theo Kế hoạch số: 124 /KH-UBND ngày 28 /7/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Chỉ số thành phần/tiêu chí đánh giá	Kế hoạch năm 2023		Đơn vị thực hiện	
		Điểm số	Xếp hạng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Nhóm chỉ số thành phần cần cải thiện mạnh điểm và thứ hạng				
1	CSTP 1: Gia nhập thị trường	≥ 7.5	< 25	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối	
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	3		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh
1.2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	3			
1.3	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 5\%$			
1.4	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 1\%$			
1.5	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi ĐKDN (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 1\%$			
1.6	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia BHXH và đăng ký sử dụng hóa đơn của DN được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục ĐKDN (% DN Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$> 90\%$		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh
1.7	Tỷ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTPVHCC, bưu điện) (%)	$\geq 90\%$		Sở Kế hoạch và Đầu tư, các UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, VP UBND tỉnh
1.8	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	$> 90\%$		Sở, ban, ngành, các UBND các huyện,	
1.9	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	$> 95\%$			

1.10	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	>90%		thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	
1.11	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	>90%				
1.12	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>90%				
1.13	DN không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>=70%				
1.14	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>90%				
1.15	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>90%				Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp
1.16	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>90%				
1.17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<=1%				
1.18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn 1 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	<5%				
1.19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn 3 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	<1%				
2	CSTP 2: Tính minh bạch	>= 6.5	<=20		Sở Thông tin và Truyền thông làm cơ quan đầu mối	
2.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	>2.6			Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	>3.33			Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

2.3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	>80%		Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông
2.4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	>70%			
2.5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (trung vị)	5			
2.6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>=60%			
2.7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về TTTC là hữu ích (% Đồng ý)- <i>Biến mới năm 2021</i>	>=87%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin truyền thông
2.8	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	< 30%			
2.9	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)- <i>Biến mới năm 2021</i>	>=60%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin truyền thông
2.10	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>=70%			
2.11	Thỏa thuận khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng/ Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	<40%			Cục Thuế tỉnh
2.12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<25%			
2.13	Vai trò của các HHĐN địa phương trong việc xây dựng và phân-bien chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (%DN)	>60%		Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Hội DN trẻ và các hội ngành nghề, đơn vị liên quan
2.14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% có thể)- <i>Điều chỉnh năm 2021</i>	> 50%		Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.15	Khả năng dự liệu được thay đổi QĐPL của tỉnh (% có thể)- <i>Biến mới năm 2021</i>	>50%			
2.16	Chất lượng trang website của tỉnh - <i>Điều chỉnh năm 2021</i>	> 50		Sở TT&TT; Văn phòng UBND tỉnh	
2.17	Tỷ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	>55%			

3	CSTP 3: Chi phí thời gian	>7.7	<=30	Văn phòng UBND tỉnh làm cơ quan đầu mối	
3.1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL	<20%		Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tư pháp
3.2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	>85%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ
3.3	CBCC thân thiện (%)	>85%			
3.4	DN không phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký hoàn tất thủ tục (% Đồng ý)	>80%			
3.5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	>80%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông
3.6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	100%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ
3.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	>80%			Sở Thông tin và Truyền thông
3.8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>70%			
3.9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>70%			
3.10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>70%			
3.11	Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 3 cuộc trở lên trong năm(%)- Điều chỉnh năm 2021	<2%		Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.12	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	<=4%			
3.13	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	<=8		Cục thuế tỉnh	
3.14	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	<= 10%		Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thanh tra tỉnh
4	CSTP 4: Chi phí không chính thức	>7	<35	Sở Nội vụ làm cơ quan đầu mối	
4.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	<20%		các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị	Sở Nội vụ,
4.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% luôn luôn / thường xuyên)	>65%			Thanh tra tỉnh

4.3	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	<10%		xã, thành phố	
4.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	>90%			
4.5	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	<15%			
4.6	Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	<5%			
4.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<10%			
4.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN/sửa đổi ĐKDN (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4.9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Chi cục Quản lý thị trường tỉnh	
4.10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Công an tỉnh	
4.11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Thanh tra tỉnh; các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Cục thuế tỉnh	
4.13	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - <i>Biến mới năm 2021</i>	<5%		Sở Xây dựng	
4.14	Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT để đẩy nhanh thực hiện TTHC đạt đại (%)	<10%		Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ, VP UBND tỉnh
4.15	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)/Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	<10%		Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thành phố	
4.16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	<20%		Tòa án nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	CSTP 5: Tính năng động	>=6.9	<=30	Văn phòng UBND tỉnh làm cơ quan đầu mối	

5.1	UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN (%)	>85%		Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
5.2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	>85%		Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	>70%		Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
5.4	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	$\leq 27\%$		Các sở, ban, ngành, đơn vị	
5.5	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	$\leq 30\%$		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
5.6	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	<20%		Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	>85%		Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, Hiệp hội DN tỉnh, Hội DN trẻ, các hiệp hội ngành nghề của tỉnh
5.8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	$\geq 60\%$		Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
5.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021	>75%		Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	

6	CSTP 6: Đào tạo lao động	≥ 6.5	< 26	Sở Lao động, Thương binh và xã hội làm cơ quan đầu mối		
6.1	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	$> 75\%$		Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	
6.2	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)- Biến mới 2021	≥ 6.0				
6.3	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (% đồng ý)	$> 65\%$		Sở Lao động, Thương binh và xã hội		
6.4	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	$< 35\%$				
6.5	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	$< 35\%$				
6.6	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	$\geq 96\%$				
6.7	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)	$> 30\%$				
6.8	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	$\geq 75\%$				
6.9	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	$> 45\%$				
6.10	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	$\geq 40\%$				
6.11	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	$> 60\%$				
II	Nhóm chỉ số thành phần tiếp tục cải thiện tăng điểm và thứ hạng					
1	CSTP 7: Tiếp cận đất đai	> 7.7	≤ 10		Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan đầu mối	
1.1	Số ngày chờ đợi để được cấp Giấy CNQSDĐ (trung vị)	< 30		Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, TP.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	
1.2	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021	$\leq 30\%$				
1.3	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021	$< 10\%$				

1.4	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	<20%			
1.5	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=rất cao; 5=rất thấp)	<1.4			
1.6	DN không gặp cản trở về tiếp cận đất đai/mở rộng mặt bằng kinh doanh (% đồng ý)	>60%			
1.7	DN khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	<=15%		Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
1.8	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	<=10%			
1.9	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, không nhanh chóng (%)	<20%			
1.10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	>37%			
1.11	Sự thay đổi bằng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý)	>85%		Sở Tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan
1.12	Tỷ lệ DN thực hiện TTHC về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào (%)	>=45%		Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
1.13	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do TTHC rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	<8%		Sở Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh
1.14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC về đất đai - <i>Biến mới năm 2021</i>	<40%			Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, đơn vị, UBND huyện, thị xã, thành phố
2	CSTP 8: Cạnh tranh bình đẳng	>7.2%	<10	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối	
2.1	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho DN (% Đồng ý)	<20%		Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2.2	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	<30%			
2.3	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của DN cho địa	>77%			

	phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>				
2.4	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các DN lớn so với DNNVV trong nước (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 43\%$		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.5	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DNNVV trong nước (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	≤ 25			
2.6	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 16\%$		Sở Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$< 8\%$			
2.8	TTHC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 15\%$		Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2.9	Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 10\%$			
2.10	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$< 16\%$			
2.11	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các DN lớn (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\leq 12\%$		Cục Thuế tỉnh	
3	CSTP 9: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	≥ 7.5	≤ 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối	
3.1	Tỷ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	$\geq 1.5\%$		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.2	Tỷ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	$\geq 90\%$			
3.3	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$> 90\%$		Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV	
3.4	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$> 85\%$		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3.5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng NSNN về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh	$\geq 95\%$			

	nghiệp dễ thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>					
3.6	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 80\%$		Ban Quản lý các KCN tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài Nguyên và Môi trường	
3.7	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn PL khi sử dụng dịch vụ tư vấn PL thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 90\%$		Sở Tư pháp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3.8	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 90\%$		Sở Lao động-thương binh và xã hội		
3.9	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 90\%$		Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3.10	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 45\%$				
3.11	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 70\%$			Hiệp hội DN tỉnh, các hiệp hội ngành nghề; các sở, ngành, đơn vị liên quan	
3.12	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 70\%$				
3.13	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - <i>Biến mới năm 2021</i>	$\geq 50\%$			Hiệp hội DN tỉnh, các hiệp hội ngành nghề; Sở Thông tin và Truyền thông	
4	CSTP 10: Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	≥ 7.7	≤ 10		- Sở Tư pháp: cơ quan đầu mối theo dõi thực hiện cải thiện các tiêu chí về Thiết chế pháp lý; - Công an tỉnh: Cơ quan phối hợp, đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi,	

				thực hiện cải thiện các tiêu chí về An ninh trật tự.	
4.1	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	>95%		Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ
4.2	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	>50%		Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.3	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	>55%		Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thanh tra tỉnh
4.4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	>65%		Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp
4.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	>95%			
4.6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	>95%			
4.7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	>85%			
4.8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	>85%		Cục Thi hành án dân sự tỉnh	Tòa án nhân dân tỉnh
4.9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	>87%		Sở Tư pháp	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.10	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>=84%		Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp
4.11	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - <i>Biến mới năm 2021</i>	>90%			
4.12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	>3			
4.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	>85%			
4.14	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	>80%			

4.15	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	>70%		Công an tỉnh	
4.16	Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	<5%			
4.17	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	>65%			
4.18	Phải trả tiền bảo kê cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	<0.5			
